

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-PT
Ngày 04/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liễu

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

2. Bà Phan Thị Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Thiều Quang Hải- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Khánh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 04/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo: Đỗ Mạnh T do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Mạnh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Đỗ Mạnh T; tên gọi khác: Đức T; Sinh năm 1959; tại xã K, huyện H. Nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông: Đỗ Văn T1 (Đã chết) và con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1934; Có vợ: Lù Thị T2, sinh năm 1976 và có 01 con sinh năm 2012; gia đình bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

****Bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:***

Ông: Phạm Văn M

Trú tại: Bản M, xã M, huyện N, tỉnh L.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2019 Đỗ Mạnh T có mang 02 đầu máy nổ loại D8 lên nhà Lương Thị X để gửi. X nói với T “là nhà vắng vẻ để đây bị mất trộm” thì T bảo “hôm sau đến lấy luôn” X đồng ý cho gửi. Khoảng 12 giờ ngày hôm sau, Phạm Văn M đến nhà Lương Thị X nói “do công nhân thi công công trình nợ tiền thực phẩm của gia đình” nên ông M lấy đầu máy nổ về để họ đến chuộc. Sau khi M lấy máy nổ về, T cũng đến nhà Lương Thị X thì phát hiện thấy chỉ còn 01 máy nổ, T hỏi Lương Thị X thì được biết M lấy đi. Đến trưa ngày 04 tháng 5 năm 2019, T tìm đến nhà M, thì gặp M ở nhà một mình, T hỏi M “có hiểu pháp luật không”. M trả lời “hiểu”, T nói “hiểu mà lấy máy của T”. M trả lời rằng “nợ tiền M thì M lấy máy thôi”. T nói tiếp, “T không nợ tiền M, nếu có nợ thì pháp luật giải quyết”. Sau đó, T và M đến Công an xã Mường Mô giải quyết, tại đây M tự nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên M đã chủ động xin lỗi T và xin bồi thường cho T 2.000.000đ nhưng T không đồng ý. T thấy M lo sợ, nên đã nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt một số tiền của M. T nói với M rằng “hành vi của M là hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác, đó là hành vi vi phạm pháp luật, sẽ bị truy tố trước pháp luật”. M tỏ ra lo sợ và muốn thỏa thuận với T, nên M đã xin số điện thoại của T.

Khoảng 14 giờ cùng ngày T đi đến nhà M, mục đích đe dọa uy hiếp tinh thần của M để chiếm đoạt tài sản. Tại nhà M, M nói xin lỗi T và xin T bỏ qua cho, M sẽ đưa cho T 5.000.000đ. Biết M lo sợ bị truy tố trước pháp luật, nên T đe dọa M rằng “tội của M sẽ bị xử phạt 04 đến 05 năm tù”. T đòi M phải đưa cho T 50.000.000đ nếu không T sẽ khởi kiện M ra Tòa án. M đồng ý đưa cho T 50.000.000đ để T không khởi kiện M ra trước pháp luật và đưa trước cho T 5.000.000đ. Đến ngày 07/5/2019 M gọi T xuống nhà nhận nốt 45.000.000đ còn lại, M và vợ là Mào Thị X1 lấy một tập tiền toàn loại mệnh giá 500.000đ đếm và giao cho T. T nhận tiền nhưng không đếm, T cất tiền vào túi quần rồi viết cam kết với nội dung giữa T và M đã tự giải quyết cá nhân không yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết.

Khoảng một tuần sau, T lại nảy sinh ý định tiếp tục chiếm đoạt tiền của M, lấy lý do phải đi lại nhiều, nên yêu cầu M phải đưa thêm cho T 5.000.000đ, M không đồng ý, T nói “sẽ trả lại số tiền 50.000.000đ rồi kiện M ra Tòa”, sau đó T đã giảm xuống 3.000.000đ. Khoảng 03 ngày sau, sợ T khởi kiện ra pháp luật, nên M gọi điện cho T nói “sẽ đưa thêm cho T 3.000.000đ”. Ngày 16/5/2019 T đến nhà M nhận số tiền 3.000.000đ. Như vậy, T đã 02 lần chiếm đoạt số tiền của ông M với tổng số tiền là 53.000.000đ. Đến ngày 08/6/2019 Đỗ Mạnh T đã trả lại toàn bộ số tiền 53.000.000đ cho ông Phạm Văn M.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 24/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đỗ Mạnh T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm d khoản 2 điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của bị cáo.

Ngày 25/10/2019, bị cáo Đỗ Mạnh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đỗ Mạnh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt là do hiện nay bản thân bị ốm đau đang điều trị tại bệnh viện, hoàn cảnh gia đình hiện rất khó khăn. Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham dự phiên tòa phát biểu quan điểm: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong giai đoạn phúc thẩm có văn bản ngày 29/01/2020 của cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Nậm Nhùn xác nhận bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện ra một số tội phạm khác và đề nghị giảm nhẹ hình phạt; hiện bị cáo bị bệnh đang điều trị tại bệnh viện. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo còn từ 18 đến 24 tháng tù.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo hợp lệ trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 5 năm 2019 đến ngày 16 tháng 5 năm 2019, bị cáo Đỗ Mạnh T lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật của Phạm Văn M để 02 lần thực hiện hành vi uy

hiếp tinh thần của Phạm Văn M chiếm đoạt được tổng số tiền của M là 53.000.000đ. Sau khi phạm tội, ngày 08/6/2019 bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại số tiền 53.000.000đ cho ông Phạm Văn M. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, áp dụng điều luật, tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo một lần nữa cũng đã thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, có bố đẻ là thương binh. Trong giai đoạn phúc thẩm đã xuất hiện tình tiết mới như: Bị cáo đã tích cực hợp tác giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện điều tra tội phạm và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt (theo văn bản ngày 29/01/2020 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu); hiện tại bị cáo thường xuyên ốm đau phải nằm viện (có bệnh án), gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn. Đây là tình tiết mới được quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51/ BLHS mà cấp sơ thẩm không có. Như vậy, bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS, nhưng bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51/BLHS. Đối chiếu với quy định của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước ta, cũng như nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54/BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Mạnh T; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu như sau:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh T 18 tháng tù, về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí hình sự: Bị cáo Đỗ Mạnh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện Nậm Nhùn;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- Công an huyện Nậm Nhùn;
- CC THADS huyện Nậm Nhùn;
- Bị cáo ;
- Bị hại;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán

Phạm Thị Liễu